

Số: 141/QĐ-BVĐK

Vĩnh Thạnh, ngày 22 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu**  
**gói thầu trang thiết bị y tế**

**GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VĨNH THẠNH**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT, ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ Y tế về việc qui định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân quy định phân cấp thẩm quyền quyết định đối với tài sản công thuộc địa phương quản lý;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-BVĐK ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm trang thiết bị y tế bổ sung năm 2022 tại Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh;

Căn cứ Tờ trình số 06/TTr-TTĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Tổ Thẩm định V/v đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu trang thiết bị y tế.

Xét đề nghị của Tổ trưởng Tổ Thẩm định và Tổ trưởng Tổ Chuyên gia.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu trang thiết bị y tế thuộc dự toán mua sắm trang thiết bị y tế bổ sung năm 2022 như sau:

1. Tên, địa chỉ nhà thầu trúng thầu; số trang thiết bị trúng thầu và giá trúng thầu:

TT	Nhà thầu	Địa chỉ	Số mặt hàng	Giá trị
1	Công ty TNHH thương mại Hợp Nhất	25/15 Bành Văn Trân, P.7, Q.Tân Bình, Tp.HCM	14	90,365,175
2	Công ty TNHH Tm-DV-Kỹ	111/24/6 Lý Thánh Tông, P.Tân Thới Hòa,	02	23,802,500

	thuật-Thiết bị y tế An Quốc	Q.Tân Phú, Tp.HCM		
3	Công ty Thiết bị y tế Hưng Phát	D7/9, TT.Tân Túc, h.Bình Chánh, Tp.HCM	04	169,660,000
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	150 đường 14/9, P.5, Tp.Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	06	27,465,000
5	Công ty TNHH TTB Y tế Miền tây	238A Trần Hưng Đạo, P.Lê Bình, Q.Cái Răng, Tp.Cần Thơ	21	101,083,450
Tổng = có 05 nhà thầu			47	412,376,125
<b>Bảng chữ: Bốn trăm mười hai triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm hai mươi lăm đồng.</b>				

(Chi tiết các trang thiết bị và đơn giá trúng thầu theo phụ lục đính kèm).

Giá trúng thầu đã bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển, bàn giao tại khoa Dược Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thạnh.

2. Hình thức hợp đồng: hợp đồng trọn gói.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

**Điều 2.** Bên mời thầu có trách nhiệm thông báo kết quả trúng thầu và tổ chức thực hiện các nội dung khác theo đúng trình tự quy định của Luật đấu thầu và các văn bản khác có liên quan.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức hành chính, trưởng khoa Dược, các đơn vị trúng thầu và các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Y tế Tp Cần Thơ;
- BHXH thành phố;
- UBND huyện Vĩnh Thạnh;
- BHXH huyện Vĩnh Thạnh;
- Kho bạc nhà nước huyện Vĩnh Thạnh;
- Lưu: VT



**ĐỖ KHẮC TRANG**

**DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRÙNG THẦU**  
(Theo Quyết định số 141/QĐ-BVĐK ngày 22 tháng 12 năm 2022 của BVĐK huyện Vĩnh Thạnh)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(13)x(14)
Stt	MS TTĐ	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm theo TT 14/2020/T T-BYT	Số lưu hành/GPNK	Phân loại (A, B, C, D)	Số lượng trùng thấu	Đơn giá trùng thấu	Thành tiền
1	GTTB04	Uric Acid	URIC ACID T FL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Acid uric Dãi đo : 0.04mg/dl-30mg/dl	Hộp	5x50ml	Chemia Diagnostic a SRL	Italia	3	HSCB : 220001887/PCB B-BYT	B	1	1,346,625	1,346,625
2	GTTB05	Triglycerides	TRIGLYCE RIDESES FL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides Dãi đo : 0.69mg/dl-1000mg/dl	Hộp	10x50ml	Chemia Diagnostic a SRL	Italia	3	HSCB : 220001887/PCB B-BYT	B	2	3,790,500	7,581,000
3	GTTB06	Sample cup	SAMPLE CUPS	Cốc đựng mẫu	Bịch	bịch/500 cái	Ningbo MFLab Medical Instruments Co., Ltd - china	China	6	PTN : 190000785/PCB A-HCM	A	1	750,000	750,000
4	GTTB07	HDL-Cholesterol /Hóa chất HDL trực tiếp	HDLC-D	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL Dãi đo : 5mg/dl - 151 mg/dl	Hộp	4x30ml / 2x20ml	Spinreact S.A.U - Spain		3	HSCB : 220001975/PCB B-BYT	B	2	6,480,000	12,960,000
5	GTTB08	Glucose	GLUCOSE FL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose Dãi đo : 1mg/dl-500mg/dl	Hộp	8x56ml	Chemia Diagnostic a SRL	Italia	3	HSCB : 220001887/PCB B-BYT	B	5	1,188,600	5,943,000
6	GTTB09	Creatinine	CREATINI NE	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Dãi đo : 0.2mg/dl-20mg/dl	Hộp	4x56+4x56ml	Chemia Diagnostic a SRL	Italia	3	HSCB : 220001887/PCB B-BYT	B	5	1,980,300	9,901,500
7	GTTB10	Cholesterol	CHOLESTE ROL FL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol Phương pháp : Cholesterol oxidase - Peroxidase (CHOD-POD) method Dãi đo : 1mg/dl-700mg/dl	Hộp	8x56ml	Chemia Diagnostic a SRL	Italia	3	HSCB : 220001887/PCB B-BYT	B	2	2,610,300	5,220,600
8	GTTB11	GOT/AST	GOT/AST FL IFCC	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST Phương pháp : IFCC Dãi đo : 0.463 U/l - 440 U/l	Hộp	8x50ml	Chemia Diagnostic a SRL	Italia	3	HSCB : 220001887/PCB B-BYT	B	2	1,680,000	3,360,000

Stt	Stt (theo nhà thầu)	MS TTB	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm theo TT T-BYT	Số lưu hành/GPNK	Phân loại (A, B, C, D)	Số lượng trưng thầu	Đơn giá trưng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(13)x(14)	
9	9	GTTB12	Control Serum Level	QUANTINO RMI CHEMA	Chất chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	Hộp	10x5ml	Chema Diagnostic a SRL	Italia	3	HSCB : 220001887/PCB B-BYT	B	2	4,987,500	9,975,000
10	10	GTTB13	Calibrator (hiệu chuẩn)/Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	AUTOCAL H	Dung dịch dùng Calib cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Hộp	10x3ml	Chema Diagnostic a SRL	Italia	3	HSCB : 220001887/PCB B-BYT	B	2	4,987,500	9,975,000
11	11	GTTB14	GPT/ALT	GPT/ALT FL IFCC	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT Phương pháp : IFCC Dải đo : 0.169 U/l - 440 U/l	Hộp	8x50ml	Chema Diagnostic a SRL	Italia	3	HSCB : 220001887/PCB B-BYT	B	2	1,680,000	3,360,000
12	12	GTTB15	Albumin	ALBUMIN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin Phương pháp : Bromoresol gren (BCG) method Dải đo : 0.01 g/dl - 6 g/dl	Hộp	2x50ml	Chema Diagnostic a SRL	Italia	3	HSCB : 220001887/PCB B-BYT	B	2	408,975	817,950
13	13	GTTB16	Bóng đèn sinh hóa	HALOGEN LAMP	Bóng đèn sinh hóa	Cái	Cái	Diamond Diagnostic Inc - USA		1	PTN : 190001191/PCB A-HCM	A	2	4,500,000	9,000,000
14	14	GTTB17	Alcohol (Ethanol)	ETHANOL FL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm nồng độ cồn Good's buffer 1 M, NAD ≥ 1 mM, ADH ≥ 5 kU/l, stabilizers and preservatives Dải đo : 2.7 mg/dl - 600 mg/dl	Hộp	6x10ml + 10ml Cal	Chema Diagnostic a SRL	Italia	3	HSCB : 220001887/PCB B-BYT	B	3	3,391,500	10,174,500
Tổng 14 trang thiết bị															
2. Công ty TNHH TM-DV-KS Thuật Thiết Bị Y Tế An Quốc															
90,365,175															

Sst	(theo nhà thầu)	MIS TTBT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT	Số lưu hành/GPNK	Phân loại (A, B, C, D)	Số lượng trưng thầu	Đơn giá trưng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(13)x(14)	
15	1	GTTB01	Nước rửa phim	Hóa chất rửa phim x-quang (ZG873505 + ZG873498)	Hoá chất rửa phim X-quang là một Hoá chất lỏng đầy đủ ở dạng có đặc dùng cho xử lý phim X-quang	Bộ	01 bộ hóa chất gồm: - Thuốc rửa phim hiện hình - Auto Developer , bao gồm (A): 5L+B: 250mL+C : 288mL), - Thuốc rửa phim định hình - Auto Fixer, bao gồm (A): 4L+B: 600mL	Fujifilm Asia Pacific Pte.	Singapore	6	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng TTBYT loại A số: 170001823/PCB A-HCM ngày 26/09/2017	A	10	1,199,000	11,990,000
16	2	GTTB02	Phim X Quang (30x40)	Phim X Quang SUPER HR-U 30X40cm	- Kích thước: 30 x 40cm - Phim X quang ướt siêu nhạy - Táng phim bằng hoá chất, phòng tối	Hộp	100 tấm/hộp, 5 hộp/thùng	Fujifilm Shizuoka Co., Ltd.	Nhật Bản	1	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng TTBYT loại A số: 170000394/PCB A-HCM ngày 30/06/2017	A	10	1,181,250	11,812,500
Tổng 02 trang trang thiết bị															
<b>3. Công ty TNHH trang thiết bị y tế Hưng Phát</b>															
17	1	GTTB39	Kim lượn tính mạch có cánh, có cửa	Kim lượn tính mạch có cánh, có cửa	Kim lượn tính mạch có cánh, có cửa các số	Cái	Gói 1 cái	Disposafe	Ân Độ	6	220000006/PCB B-BYT	B	10,000	3,045	30,450,000
															23,802,500

Stt	Stt (theo nhà thầu)	MS TTB	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm theo TT 14/2020/T-T-BYT	Số lưu hành/GPNK	Phân loại (A, B, C, D)	Số lượng trưng thầu	Đơn giá trưng thầu	Thành tiền
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(13)×(14)
18	2	GTTB40	Dây oxy 2 nhánh	Dây oxy 2 nhánh	Có bầu tiêm thuốc, kim tiêm 21G x 1,5", van lọc khí, màng lọc dịch, dây dài ≥150cm, chất liệu PVC y tế, tiệt trùng bằng khí EO, ISO	Sợi	Gói/ 1 sợi	Zibo Eastmed	Trung Quốc	4	200000095 /PCBA-HCM	A	1,000	4,600	4,600,000
19	3	GTTB41	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch	chất liệu PVC mềm dẻo, màu xanh, không gây kích ứng với bệnh nhân, dài 2.0m	Bộ	Gói/ 1 sợi	Zibo Eastmed	Trung Quốc	4	220001327/PCB B-BYT	B	20,000	2,793	55,860,000
20	4	GTTB42	Găng tay khám y tế	Găng tay khám bệnh các số	Nguyên liệu cao su thiên nhiên, dài 240mm, loại có bột.	Đôi	Hộp/ 50 đôi	Top Glove	Malaysia	6	190000237/PCB A-HCM	A	50,000	1,575	78,750,000
<b>Tổng 04 trang thiết bị</b>															
<b>4. Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long</b>															
21	1	GTTB43	Bơm kim tiêm 50ml cho ăn	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50 ml/cc, loại cho ăn, VIKIMCO	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 50ml, đầu to lắp vừa dây cho ăn, pittông có khía bề gậy để huy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không có độc tố và chất gây sốt.	Ông	Hộp/25	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	5	170000003/PCB A-VL	A	100	3,800	380,000
22	2	GTTB44	Bơm kim tiêm 20ml	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 20ml, cỡ kim 23Gx1", có nắp đậy, pittông có khía bề gậy để huy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không có độc tố, không chất gây sốt.	Ông	Hộp/50	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	5	2100032DKLH/B YT-TB-CT	B	500	1,450	725,000
23	3	GTTB45	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml/cc	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 10ml, Cỡ kim 23Gx1", bề gậy để huy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng bằng khí E.O, vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.	Ông	Hộp/100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	5	2100032DKLH/B YT-TB-CT	B	6,000	900	5,400,000

Stt	Stt (theo nhà thầu)	MIS TT B	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm theo TT 14/2020/T-T-BYT	Số lưu hành/GPNK	Phân loại (A, B, C, D)	Số lượng từng thầu	Đơn giá từng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(13)x(14)	
	24	4	GTTB46	Bom tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO	Bom tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 5ml, cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", 25Gx5/8". có nắp đậy. pittông có khía bề gậy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói riêng và ép vi đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.	Ông	Hộp/100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	5	2100032BKHLH/B YT-TB-CT	B	20,000	610	12,200,000
	25	5	GTTB47	Bom tiêm vô trùng sử dụng một lần 3ml/cc, kim các cỡ, VIKIMCO	Bom tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 3ml, cỡ kim 23Gx1", 25Gx1", 25Gx5/8". có nắp đậy, pittông có khía bề gậy để hủy sau khi sử dụng. Sản phẩm đóng gói riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt.	Cây	Hộp/100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	5	2100032BKHLH/B YT-TB-CT	B	10,000	591	5,910,000
	26	6	GTTB48	Kim rút thuốc các cỡ	Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần, kim các cỡ, VIKIMCO	Cây	Hộp/100	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Việt Nam	5	2100129BKHLH/B YT-TB-CT	B	10,000	285	2,850,000
<b>Tổng 06 trang thiết bị</b>															
<b>5. Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Miền Tây</b>															
	27	1	GTTB18	Băng thun 3 móc	Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton theo tỉ lệ 2:1:4 Kích cỡ: 10,2cm x 550cm	Cuộn	Gói 1 cuộn	Quang Mậu	Việt Nam	5	180000202/PCB A-HCM	A	50	16,380	819,000
	28	2	GTTB19	Băng keo lụa (2,5cm x 5m)	Băng keo lụa (2,5cm x 5m)	Cuộn	Hộp 24 cuộn	Honnes	Thổ Nhĩ Kỳ	6	170002902/PCB A-HN	A	1,000	15,840	15,840,000
															<b>27,465,000</b>

Sit	Sit (theo nhà thầu)	MS TT B	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm theo TT 14/2020/TT-BYT	Số lưu hành/GPNK	Phân loại (A, B, C, D)	Số lượng trưng thầu	Đơn giá trưng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(13)x(14)	
29	3	GTTB20	Tạp dè y tế	Tạp dè tiệt trùng 80x120cm	Chất liệu màng PE, tiệt trùng từng cái	Cái	Gói 1 cái	Hưng Phát	Việt Nam	5	170002343/PCB A-HCM	A	200	3,410	682.000
30	4	GTTB21	Ông dặt nội khí quản có bóng số 7,5	Ông nội khí quản có bóng số 7,5	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Không bóng và có cân quang, ông có đầu nói tiêu chuẩn	Bộ	Gói 1 bộ	Zhanjiang Star	Trung Quốc	6	220000014/PCB B-BYT	B	5	11,970	59.850
31	5	GTTB22	Ông dặt nội khí quản có bóng số 5,5	Ông nội khí quản có bóng số 5,5	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Không bóng và có cân quang, ông có đầu nói tiêu chuẩn	Bộ	Gói 1 bộ	Zhanjiang Star	Trung Quốc	6	220000014/PCB B-BYT	B	5	11,970	59.850
32	6	GTTB23	Ông dặt nội khí quản có bóng số 4,5	Ông nội khí quản có bóng số 4,5	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Không bóng và có cân quang, ông có đầu nói tiêu chuẩn	Bộ	Gói 1 bộ	Zhanjiang Star	Trung Quốc	6	220000014/PCB B-BYT	B	5	11,970	59.850
33	7	GTTB24	Ông dặt nội khí quản có bóng số 3,5	Ông nội khí quản có bóng số 3,5	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Không bóng và có cân quang, ông có đầu nói tiêu chuẩn	Bộ	Gói 1 bộ	Zhanjiang Star	Trung Quốc	6	220000014/PCB B-BYT	B	5	11,970	59.850
34	8	GTTB25	Ông dặt nội khí quản có bóng số 2,5	Ông nội khí quản có bóng số 2,5	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Không bóng và có cân quang, ông có đầu nói tiêu chuẩn	Bộ	Gói 1 bộ	Zhanjiang Star	Trung Quốc	6	220000014/PCB B-BYT	B	5	11,970	59.850
35	9	GTTB26	Lưỡi dao mổ nhọn	Lưỡi dao mổ nhọn số 11	Lưỡi dao mổ được làm bằng thép carbon không rỉ, bao gồm các size 11	Cái	Hộp 100 cái	Huaian Helen	Trung Quốc	6	220002737/PCB B-HCM	B	600	820	492.000
36	10	GTTB27	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang y tế 4 lớp	Cái	Hộp 50 cái	Đinh Hưng Phát	Việt Nam	5	2000000104/PCB A-BD	A	30.000	580	17.400.000
37	11	GTTB28	Chỉ khâu tiêu chặm số 2/0 kim tròn	Chronic Catgut 3.5(2/0)75cm 1/2HR26	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chặm 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, kim phủ silicon.	Tép	Hộp 30 tép	Công ty cổ phần được phân và sinh học y tế	Việt Nam	5	21000111DKLH/B YT-TB-CT	D	480	19,200	9,216,000
38	12	GTTB29	Chỉ khâu không tiêu số 2/0 kim cạnh	Black Silk (2/0)75cm 3/8DS24	Chỉ không tiêu thiên nhiên da sợi 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, kim phủ silicon.	Tép	Hộp 30 tép	Công ty cổ phần được phân và sinh học y tế	Việt Nam	5	21000099DKLH/B YT-TB-CT	B	500	13,800	6,900,000

Stt	Stt (theo nhà thầu)	MSS TTB	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm theo TT 14/2020/T-T-BYT	Số lưu hành/GPNNK	Phân loại (A, B, C, D)	Số lượng trưng thầu	Đơn giá trưng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(13)x(14)	
39	13	GTTB30	Bảng keo chỉ thị nhiệt (19mmx55mm)	Bảng keo chỉ thị nhiệt (19mm x 55mm)	Bảng chỉ thị nhiệt dùng trong y tế	Cuộn	Gói 1 cuộn	Shanghai Jianzhong	Trung Quốc	6	170000515/PCB A-HCM	A	10	99,000	990,000
40	14	GTTB31	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết NSI (mẫu huyết thanh/huyết tương)	Quick Test Dengue NSI (Card)	Phát hiện kháng nguyên NSI virus Sốt xuất huyết Dengue. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh/Máu toàn phần. Độ nhạy tương đương 99,2%. Độ đặc hiệu tương đương 100%	Test	Hộp 25 test	Việt Mỹ	Việt Nam	5	2472PL-TTDDV/17000002 7/PCBPL-BYT	C	259	56,700	14,685,300
41	15	GTTB32	Dengue IgG/IgM	Quick Test Dengue IgG/IgM (Card)	Phát hiện kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1, 2, 3, 4. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh/Máu toàn phần. Độ nhạy tương đương 97,3%. Độ đặc hiệu tương đương 98,1%	Test	Hộp 25 test	Việt Mỹ	Việt Nam	5	2472PL-TTDDV/17000002 7/PCBPL-BYT	C	389	44,100	17,154,900
42	16	GTTB33	Anti B 10ml	Anti-B (gM)	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Lọ	Lọ 10ml	SpectrumD iagnostic	Ai Cập	6	4244/QD-BYT	D	5	94,200	471,000
43	17	GTTB34	Anti A 10ml	Anti-A (gM)	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Lọ	Lọ 10ml	SpectrumD iagnostic	Ai Cập	6	4244/QD-BYT	D	5	94,200	471,000
44	18	GTTB35	Que thử đường huyết (kèm theo máy)	Que thử đường huyết VivaCheck Ino	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không cần nhập mã code khi gắn que thử vào máy;</li> <li>Dải nhiệt độ hoạt động và bảo quản rộng;</li> <li>Mẫu lấy máu ít;</li> <li>Cho kết quả nhanh;</li> <li>Que thử được đóng gói chung theo lọ hoặc đóng gói rời từng que.</li> </ul>	Que	Hộp 50 que	VivaCheck Biotech (Hangzhou) Co., Ltd.	Trung Quốc	4	9973NK/BYT-TB-CT	C	2,000	4,410	8,820,000



Sr	Sr (theo nhà thầu)	MS TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mô tả kỹ thuật hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nhóm theo TT T-BYT	Số lưu hành/GPNK	Phân loại (A, B, C, D)	Số lượng trưng thầu	Đơn giá trưng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(13)x(14)	
	19	GTTB36	Giấy điện tim 3 cần	Giấy điện tim 3 cần 63*30	Kích thước 63mmx30m	Cuộn	Gói 1 cuộn	Tianjin Grand Paper Industry Co., Ltd	Trung Quốc	6	200000228/PCB A-HCM	A	240	16,700	4,008,000
	20	GTTB37	Gạc y tế tiết trùng 5cm x6,5cm	Gạc phẫu thuật 5cm x 6,5cm x 12 lớp	Nguyên liệu: gạc hút nước và có độ thấm hút rất cao.	Miếng	Gói 10 miếng	Danameco	Việt Nam	5	2200000004/PCB B-DNa	B	2,500	428	1,070,000
	21	GTTB38	Gạc y tế tiết trùng 10cm x10cm	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 8 lớp	Nguyên liệu: gạc hút nước và có độ thấm hút rất cao.	Miếng	Gói 10 miếng	Danameco	Việt Nam	5	2200000004/PCB B-DNa	B	2,500	706	1,765,000
			Tổng cộng: 47 trang thiết bị												101,083,450
			Tổng 21 trang thiết bị												412,376,125

Bốn trăm mười hai triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm hai mươi lăm đồng.